TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 250/2023/QĐST - HNGĐ	*Tân Bình, ngày 27 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 36, 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 202/2023/HNST ngày 14 tháng 3 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

Người yêu cầu: Ông Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Đ B, Phường C, quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Đ B, Phường C, quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 17/3/2023 các đương sự đã thỏa thuận với nhau những nội dung sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đình Đ và bà Nguyễn Thị Th thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Đình Minh K, sinh ngày 27/11/2018. Khi ly hôn, bà Th sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông Đ cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng 5.000.000đ. Bắt đầu thi hành từ tháng 04 năm 2023 đến khi trẻ Nguyễn Đình Minh K đến tuổi thành niên.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đ và bà Th khai không có.

[4] Về lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ do ông Nguyễn Đình Đ và bà Nguyễn Thị Th chịu.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản và hòa giải và đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đình Đ và bà Nguyễn Thị Th thuận tình ly hôn (theo Giấy chứng nhận ký kết hôn số 179, do Ủy ban nhân dân xã E, huyện P, tỉnh L cấp ngày 23/11/2017).

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Đình Minh K, sinh ngày 27/11/2018. Khi ly hôn, bà Th sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông Đ cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng 5.000.000đ (năm triệu đồng). Bắt đầu thi hành từ tháng 04 năm 2023 đến khi trẻ Nguyễn Đình Minh K đến tuổi thành niên.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mà chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 84 luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đ và bà Th khai không có.

2. Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) do ông Nguyễn Đình Đ và bà Nguyễn Thị Th nộp được trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng lệ phí Tòa án do ông Đ và bà Th đã nộp theo biên lai thu số ---8923 ngày 13/03/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- UBND xã E, huyện P tỉnh L;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Tiến Quang